

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41A /2021/HS-ST

Ngày 13 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Phương

Bà Lê Thị Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 6 năm 2021;

Đối với bị cáo:

Chu Văn Q, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1997 tại: xã H, huyện S, tỉnh T; nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện S, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn L, sn 1975 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1978; có vợ là Lù Thị P, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xử 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “ Trộm cắp tài sản “

Ngày 18/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xử 08 tháng tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong ngày 29/01/2016.

Bị bắt tạm giam ngày 24/4/2021; có mặt.

- Bị hại:

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh T;

vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn Q, sinh ngày 02/6/1997, trú ở thôn V, xã H, huyện S, tỉnh T sử dụng số điện thoại 0378 689636 từ khoảng năm 2019 (đây là số điện thoại trước đây anh H sử dụng). Vào hồi 15h56phút, ngày 02/4/2021 khi đang đi làm tại Thành phố B, tỉnh B Chu Văn Q nhận được điện thoại từ số thuê bao 0904 207739 tự xưng tên là Lê Văn Đ, sinh năm 1968, trú tại: thôn H, xã T, huyện T, T và hỏi là: “ anh H ah, anh có bận không em nhờ chút việc về xin chuyển công tác”, ngay lúc này Chu Văn Q nghĩ người sử dụng số thuê bao 0378 689 636 trước kia tên là H và có chức vụ, vì vậy đã nảy sinh ý định giả danh anh H để lừa vây tiền tiêu xài cá nhân, nên tự nhận là anh H rồi nói dối là: “ đang bận họp lúc khác điện thoại lại”. Đến 16giờ cùng ngày, Chu Văn Q nhắn tin vào số máy 0904 207 739 với nội dung là “ tài khoản em đang có việc, cần e mượn 3 triệu, mai e chuyển giả”. Đến 9 giờ 16 phút, 03/4/2021 Chu Văn Q tiếp tục nhắn tin số tài khoản 8101205214010 vào số điện thoại 0904 207 739 của anh Định . Sau khi kiểm tra tin nhắn, anh Lê Văn Đ đã gọi điện thoại cho Chu Văn Q và nói là sẽ chuyển số tiền 30.000.000 đồng để nhờ xin việc, Q đồng ý. Khi anh Đ vào ứng dụng Agribank Mobile Bankin để chuyển tiền, lúc này thấy hiện tên tài khoản là Chu Văn Q, nên anh Đ tiếp tục dùng điện thoại số máy 0904 207 739 gọi vào số máy 0378 689 636 để hỏi xác nhận có phải là anh H bạn mình không, Chu Văn Q đã vờ xác nhận là đúng anh H, tài khoản bị lỗi nên nhờ tài khoản của thằng em. Trước khi chuyển tiền, anh Lê Văn Đ còn nhắn tin cho Q với nội dung là “ T đang thiếu địa chính 2 cú thu xếp cho anh về đợt này cảm ơn chú sau”, Q nhắn tin lại là “ok”. Nghĩ là anh H bạn của mình làm ở phòng Nội vụ UBND huyện T, nên anh Lê Văn Đ đã chuyển vào tài khoản 8101205214010 số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Chu Văn Q đã đến các điểm dịch vụ chuyển tiền nhanh trên địa bàn thành phố B, tỉnh B để rút tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 11/4/2021 Chu Văn Q lại tiếp tục nhắn tin cho anh Lê Văn Đ hỏi vay 2.000.000 đồng. Nhận được tin nhắn, anh Đ không chuyển tiền mà xác nhận là không phải anh H bạn mình, biết bị lừa nên đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo.

Ngày 24/4/2021 Chu Văn Q bị khởi tố và bắt tạm giam. Khi bị bắt Q giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ gắn số thuê bao 0378 689 636 và số 0877024751; 01 thẻ ATM do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp mang tên Chu Văn Q; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn Q.

Ngày 07/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu đối với số vật chứng đã thu giữ là chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO. Tại Bản kết luận giám định số 3554/PC-P6 ngày 30/5/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: tìm thấy các tin nhắn, cuộc gọi theo yêu cầu giám định, được sao lưu trong 01 đĩa CD.

Về trách nhiệm Dân sự: ngày 07/5/2021 Chu Văn Q đã nhờ chị Lù Thị P , sinh năm 1992 là vợ của Q bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho anh Lê Văn Đ. Anh Đ không yêu cầu gì thêm.

Bị hại là anh Lê Văn Đ sau khi được bồi thường số tiền 30.000.000đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Chu Văn Q.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSTX ngày 21/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Chu Văn Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Chu Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Chu Văn Q từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị xử phạt tù, hiện không có việc làm ổn định, đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại Oppo A3S; Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp, mang tên Chu Văn Q; Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn Q; vật

chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Về án phí: đề nghị buộc bị cáo Chu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, nội dung kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Chu Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn Đ 30.000.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin không đúng sự thật và bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo nên dư luận xấu trong nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần thiết phải quyết định mức hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và buộc phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Quyết không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Q thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Văn

Đã được số tiền 30.000.000đ, anh Định có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo Quyết được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: bị cáo Q có nhân thân xấu, Đã bị xét xử 02 lần nhưng không lấy đó làm bài học cho mình. Tuy nhiên, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: xử phạt bị cáo Chu Văn Q bằng hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Quyết đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án; thời gian bị cáo bị tạm giữ tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị xử phạt tù, hiện không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Quyết chiếm đoạt của anh Lê Văn Đ số tiền 30.000.000đ; Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Văn Đ số tiền 30.000.000đ, anh Lê Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

[8] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ gắn số sim thuê bao 0378 689 636 và số 0877 024 751; 01 thẻ ATM do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cấp, mang tên Chu Văn Q; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn Q, vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

[9] Về án phí: Bị cáo Chu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn Q; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn Q, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt bị cáo Chu Văn Q 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/4/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại Oppo A3S gắn sim số 0378 689 636 và số 0877024751; Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp, mang tên Chu Văn Q; Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn Q. Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 58, ngày 23/6/2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Bị cáo Chu Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức

giao nhận vật chứng, tài sản số 21/QĐ - VKSTX, ngày 13/01/2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn Đạt phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Văn Thọ Đỗ Trọng Hoàn

Cao Hồng Đức